

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/HS-ST.
Ngày: 27-3-2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thanh Tâm

2. Ông Nguyễn Văn Giáp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2026/TLST-HS ngày 09/02/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-HS ngày 13/3/2026 đối với bị cáo:

Lê Kim N (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1991 tại thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn S và bà Trần Thị Ô; Bị cáo không có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/01/2025 cho đến nay (Bị cáo có mặt).

- Bị hại: Tô Trường T, sinh năm 1994; địa chỉ Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Người làm chứng:

+ Phan Văn L, sinh năm 1975; địa chỉ Ấp N, xã Đ, thành phố Cần Thơ (có mặt).

+ Lê Hoàng N1, sinh năm 1966; địa chỉ Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 01/10/2024, bị cáo Lê Kim N điện thoại cho bị hại T để trao đổi về số tiền nợ và kêu T ghi giấy nợ đem ra để N ký giấy tổng nợ cho dễ nhớ. Sau đó, N chạy xe ra điểm hẹn trước và đậu trên cầu đợi T. Một lúc, sau T chạy xe đến và đưa giấy nợ cho N ký. N xem biên nhận nên có thắc mắc nội dung trong giấy nợ nên không đồng ý ký biên nhận, nên giữa N và T xảy ra mâu thuẫn và cự cãi. T bước tới dùng tay đánh vào vùng đầu của N một cái. Bị đánh bất ngờ nên N đang ngồi trên xe bị ngã ngửa ra bờ kênh. Sau đó, T tiếp tục lao đến dùng tay đánh nhau với N. N và T câu vật với nhau, N nằm dưới dùng chân đạp vào người của T làm T bật ra phía sau đứng dậy. Khi đứng lên, bị cáo N tay phải lấy cây dao Thái lan từ trong túi quần bên phải ra đứng đối diện với T đâm ngang từ phải qua trái về phía T trúng vào bắp tay trái của T chảy máu. Do bị thương nên T ngã ngửa về phía sau nằm trên ruộng cạnh lộ đal, bị cáo N thấy vậy nên tiếp tục bước tới đâm ngang từ phải qua trái về phía T, Sau đó T đưa tay lên đỡ nên bị thương ở bàn tay phải. Thấy T bị thương chảy máu N sợ quá nên bỏ đi lên xe chạy về nhà. Còn T được người thân đưa đi cấp cứu và điều trị. Sự việc được trình báo đến Công an xã T.

Tại bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống, số 03/KLTTCT-TTPYST ngày 27/12/2024 của Trung Tâm Pháp y tỉnh S (nay là Trung tâm pháp y thành phố C) kết luận về thương tích của bị hại Tô Trường T (BL 59-60), như sau:

- Sẹo vết thương và sẹo phẫu thuật trùng nhau có hình chữ Y ở mặt sau ngoài 1/3 trên cánh tay trái, kích thước lớn, đứt thần kinh quay, đứt bán phần cơ nhị đầu, cơ tam đầu, bán phần cơ cánh tay đã được phẫu thuật khâu nối không gây yếu cánh tay, còn ảnh hưởng chức năng cổ - bàn – ngón tay trái, căn cứ vào Bảng 1, C, Mục I.3, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 03% (Ba phần trăm) và căn cứ vào Bản G, C, Mục VII.3.16, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 41% (Bốn mươi một phần trăm).

- Sẹo đốt gần ngón 4 mặt trước bàn tay phải, kích thước nhỏ, đứt gân gấp nông đã phẫu thuật khâu nối, không ảnh hưởng chức năng, căn cứ vào Bản G, C, nguyên tắc chung và Bảng 1, C 8, Mục I.1, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 01% (Một phần trăm).

- Sẹo đốt gần ngón 5 mặt trước bàn tay phải, kích thước nhỏ, căn cứ vào Bảng 1, C, Mục I.1, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01% (Một phần trăm).

- Bờ các vết sẹo trên gón.

Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám

định pháp y, pháp y tâm thần, xác định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Tô Trường T tại thời điểm giám định là: 44% (Bốn mươi bốn phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Kết luận khác: Tổn thương có đặc điểm do vật có cạnh sắc hoặc cạnh sắc nhọn gây nên./.

Về vật chứng, Cơ quan điều tra tạm giữ, xử lý: Một cây dao (thường gọi là dao thái lan) có chiều dài 21,7cm, cán dao bằng nhựa, màu vàng dài 10,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11,2cm loại dao một lưỡi sắc, mũi dao nhọn.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Tô Trường T yêu cầu bị cáo Lê Kim N bồi thường gồm: chi phí điều trị, tổn hại sức khỏe, tinh thần, ngày công lao động và thiệt hại về vật chất do người khác xâm phạm với tổng số tiền là 184.840.000 đồng. Hiện bị cáo N đã bồi thường cho bị hại T được số tiền 11.000.000 đồng, còn lại 173.840.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Kim N thống nhất với kết luận giám định. Bị cáo N khai nhận, trước đó bị cáo có vay tiền của bị hại nên vào chiều ngày 01/10/2024, bị cáo Lê Kim N điện thoại cho bị hại T để trao đổi về số tiền nợ và kêu T ghi giấy nợ đem ra để N ký giấy tổng nợ cho dễ nhớ. Sau đó, bị cáo và T đi đến điểm hẹn thì T đưa giấy nhận nợ cho bị cáo và khi xem giấy nhận nợ thì bị cáo thấy nhiều khoản chưa đúng nên giữa bị cáo và bị hại xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau và T dùng tay đánh bị cáo vào vùng đầu của N một cái làm bị cáo bị ngã ngửa ra bờ kênh. Sau đó, T tiếp tục lao đến dùng tay đánh nhau với bị cáo và hai bên câu vật nhau nên bị cáo lấy cây dao Thái lan từ trong túi quần bên phải ra đứng đối diện với T đâm ngang từ phải qua trái về phía T trúng vào bắp tay trái của T chảy máu. Do bị thương nên T ngã ngửa về phía sau nằm trên ruộng cạnh lộ đê, bị cáo N thấy vậy nên tiếp tục bước tới đâm ngang từ phải qua trái về phía T, Sau đó T đưa tay lên đỡ nên bị thương ở bàn tay phải. Thấy T bị thương chảy máu N sợ quá nên bỏ đi lên xe chạy về nhà.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại Tô Trường T khai nhận: Vào chiều ngày 01/10/2024, bị cáo Lê Kim N điện thoại cho bị hại để trao đổi về số tiền nợ và kêu ông ghi giấy nợ đem ra để ký giấy nợ, khi ông đến điểm hẹn và đưa giấy nợ cho bị cáo N ký nhưng khi xem biên nhận thì giữa bị cáo và ông xảy ra mâu thuẫn và cự cãi nên bị hại đã dùng tay đánh vào vùng đầu của bị cáo một cái và hai bên tiếp tục câu vật với nhau, và bị cáo tiếp tục bước tới đâm ngang từ phải qua trái về phía bị hại gây thương tích 44%. Nay ông yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo, về bồi thường ông yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 184.840.000 đồng. Hiện bị cáo N đã bồi thường cho bị hại T được số tiền 11.000.000 đồng, còn lại 173.840.000 đồng bị hại tiếp tục yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Tại Cáo trạng số 31/CT-VKSKV 9 ngày 06/02/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ để xét xử đối với Lê Kim N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định

điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024 và 2025).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ luận tội đối với bị cáo Lê Kim N, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Kim N phạm tội “Cố ý gây thương tích”; áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024 và 2025); xử phạt Lê Kim Nhân T1 06 năm tù đến 08 năm tù.

Nói lời sau cùng tại phiên tòa, bị cáo Lê Kim N xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa cho thấy: Bị cáo Lê Kim N đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trước đây của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ như biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Bị cáo Lê Kim N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vào ngày 01/10/2024 giữa bị cáo và bị hại T có mâu thuẫn cãi nhau với nhau về nợ tiền vay, khi T dùng tay đánh bị cáo và hai bên câu vật với nhau bị cáo đã dùng dao đâm bị hại T trúng vào bắp tay trái và bàn tay phải gây thương tích cho bị hại. Tại bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống, số 03/KLTTCT-TTPYST ngày 27/12/2024 của Trung Tâm Pháp y tỉnh S (nay là Trung tâm pháp y thành phố C) kết luận về thương tích của bị hại Tô Trường T, xác định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là: 44% (Bốn mươi bốn phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Xét hung khí mà bị cáo dùng để đâm bị hại là cây dao là vật sắc, bén nên bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung là dùng hung khí nguy hiểm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Kim N phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật

Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024 và 2025) theo như Cáo trạng đã truy tố.

[3] Tội phạm do bị cáo N đã thực hiện không những xâm hại đến sức khỏe, tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng một mức án tương xứng đối với bị cáo, để có tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc trước khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bồi thường cho bị hại 11.000.000 đồng và một phần là do lỗi của bị hại tấn công (đánh) bị cáo trước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024 và 2025) cần được xem xét áp dụng cho bị cáo

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra tạm giữ: Một cây dao (thường gọi là dao thái lan) có chiều dài 21,7cm, cán dao bằng nhựa, màu vàng dài 10,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11,2cm loại dao một lưỡi sắc, mũi dao nhọn. Xét thấy, đây công cụ phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 184.840.000 đồng bao gồm các khoản: Tiền thuốc mua ngoài 730.000 đồng; Chi phí khám ở thành phố (tiền thuốc 2.560.000 đồng, tiền xe 2.200.000 đồng, tiền công lao động của bị hại 9 ngày là 2.700.000 đồng, tiền công người nuôi bệnh 9 ngày 2.250.000 đồng); thiệt hại tinh thần 40 tháng 93.600.000 đồng, thiệt hại vật chất do sức khỏe bị xâm phạm 9 tháng là 81.000.000 đồng). Hiện bị cáo N đã bồi thường cho bị hại T được số tiền 11.000.000 đồng, còn lại 173.840.000 đồng bị hại tiếp tục yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Qua yêu cầu của bị hại, bị cáo cho rằng có một số khoản yêu cầu bồi thường không hợp lý và bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại. Xét thấy, qua yêu cầu bồi thường của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy có một số khoản chi phí bị hại yêu cầu không hợp lý và không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét lại và buộc bị cáo N bồi thường cho bị hại các khoản như sau: Tiền thuốc: 3.290.000 đồng; tiền xe 2.200.000 đồng; Tiền công lao động của bị hại 9 ngày là 2.700.000 đồng; Tiền công người nuôi bệnh 9 ngày 2.250.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần 22 tháng x 2.340.000 đồng là 51.480.000 đồng, Tổng cộng là 61.920.000 đồng và do bị cáo đã bồi thường cho bị hại 11.000.000 đồng, do đó bị cáo Lê Kim N chỉ còn phải bồi thường cho bị hại Tô Trường T số tiền 50.920.000 đồng.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Kim N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024 và 2025) đối với bị cáo Lê Kim N.

* Tuyên bố bị cáo Lê Kim N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

* Xử phạt bị cáo Lê Kim N 05 (năm) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị bắt để chấp hành án.

* *Về bồi thường thiệt hại*: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 584, 585, 586, 590 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Buộc bị cáo Lê Kim N bồi thường cho Tô Trường T tổng cộng số tiền 50.920.000 đồng (năm mươi triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng).

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

* *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: Một cây dao (thường gọi là dao thái lan) có chiều dài 21,7cm, cán dao bằng nhựa, màu vàng dài 10,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11,2cm loại dao một lưỡi sắc, mũi dao nhọn

(Vật chứng nêu trên do Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – Cần Thơ

quản lý theo biên bản giao nhận ngày 06/02/2026).

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Kim N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.546.000 đồng dân sự sơ thẩm theo quy định.

* Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Phòng HSNV- CA TP Cần Thơ (PV 06);
- CQ THAHS- CA TP Cần Thơ (PC 10);
- Cơ quan CSĐT- CA. TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- Cơ quan THADS TP Cần Thơ;
- Bị cáo; Bị hại;
- UBND xã Trường Khánh, TP Cần Thơ
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Công Minh